

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 9 - 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con

Chia tài sản chung khi ly hôn,

t/c vay tài sản (nợ chung)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH , TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đăng Tuấn.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hồng Tú – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2023, thông báo hoãn phiên tòa số: 72/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20/9/2023 và thông báo về việc thay đổi thời gian lại phiên tòa, ngày 26/9/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Hồ Văn Hoài P, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm B, thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1995; địa chỉ: Số nhà D, đường T, khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị Thanh H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm B, thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – Ông Hồ Văn Hoài P trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T vào năm 2016. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đến khoảng tháng 9/2019 ông P phát hiện bà H có quan hệ tình cảm với người khác nên không còn tin tưởng bà H. Bà H không chăm lo cho cuộc sống gia đình và không có trách nhiệm đến các khoản nợ chung. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên từ ngày 05/01/2020 vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Hiện nay, ông P không còn tình cảm với bà H nên không còn mong muốn tiếp tục chung sống với nhau. Cho nên, ông P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Ông P và bà H có một người con chung tên là Hồ Ngọc Kim N, sinh ngày 14/02/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay thì bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Ông P cho rằng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của ông P tốt hơn bà H nên nếu ly hôn ông P có nguyện vọng được nuôi cháu N cho đến khi thành niên. Ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông P và bà H đã tự thỏa thuận được với nhau về tài sản chung và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định về những nội dung đã thỏa thuận.

Đối với tài sản là căn nhà trọ trên đất diện tích đất chiều ngang 5m, chiều dài 27,5m do chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông P đề nghị Tòa án không ghi nhận xem xét giải quyết mà vấn đề này giữa ông P và bà H tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Ông P đồng ý giao tài sản gồm căn nhà 03A gồm hai tầng có 08 phòng trên diện tích 5m x 18m cho bà H được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng mà không còn tranh chấp gì với bà H. Vì số tiền 517.000.000đ là giá trị tài sản chênh lệch được tính toán liên quan đến tài sản là căn nhà trọ trên đất. Do đó, sau khi thỏa thuận xong thì ông P không còn tranh chấp gì với tài sản là căn nhà trọ và diện tích đất chiều ngang 5m, chiều dài 27,5m tại đường T, khu phố L, thị trấn L. Ông P chỉ đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung như sau:

Bà H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền chênh lệch về tài sản cho ông P là 517.000.000đ (năm trăm mười bảy triệu đồng). Ngoài nội dung này ông P không đề nghị ghi nhận nội dung nào khác liên quan đến tài sản chung vì không còn tranh chấp gì.

Ông P xin rút yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung đối với tài sản: Lô đất thổ cư có diện tích 5m x 27,5m tại khu phố L, thị trấn L L và 01 dãy nhà trọ gồm 08 phòng ngủ được xây dựng trên đất.

Về nợ chung: Ông P thừa nhận vợ chồng còn nợ bà Hồ Thị Thanh H1 số tiền 70.000.000đ. Ông P đồng ý trả cho bà H1 số tiền 35.000.000đ.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Đến khoảng tháng 9/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau nên ông P nghi ngờ bà H có quan hệ với người đàn ông khác. Từ đó, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Hiện nay, ông P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà H đồng ý.

Về con chung: Bà H và ông P có chung một người con tên là Hồ Ngọc Kim N, sinh ngày 14/2/2017. Hiện nay, bà H là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, bà H có nguyện vọng được nuôi cháu N cho đến khi thành niên và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ cho đến khi cháu N thành niên.

Về tài sản chung: Bà H và ông P đã thỏa thuận với nhau về những vấn đề liên quan đến tài sản chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải. Các bên không còn tranh chấp gì với nhau. Bà H đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án về nội dung về tài sản mà các bên đã thỏa thuận được là: Bà H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền chênh lệch về tài sản cho ông P là 517.000.000đ (năm trăm mười bảy triệu đồng).

Đối với tài sản là căn nhà trọ trên đất diện tích đất chiều ngang 5m, chiều dài 27,5m các bên thỏa thuận giao cho bà H được quyền sở hữu, sử dụng; không ai có tranh chấp gì. Do tài sản này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất này không phải là tài sản chung của vợ chồng. Tài sản chung của ông P và bà H là căn nhà trọ trên đất. Hiện nay, bà H đã đồng ý hoàn trả lại giá trị chênh lệch về tài sản cho ông P. Cho nên, bà H đề nghị Tòa án không ghi nhận những vấn đề liên quan đến tài sản là căn nhà trọ gồm 08 phòng trên diện tích 27,5m tại khu phố L, thị trấn L, huyện T.

Về nợ chung: Bà H đồng ý trả cho bà H1 số tiền còn nợ là 35.000.000đ.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hồ Thị Thanh H1 trình bày:

Vào tháng 8/2018 bà H1 cho ông P, bà H vay mượn số tiền 70.000.000đ. Các bên thỏa thuận không có lãi suất; thời hạn vay là 01 tháng và không viết giấy vay mượn tiền với nhau. Mục đích vay tiền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, đến nay ông P, bà H vẫn chưa trả cho bà H1 số tiền 70.000.000đ. Cho nên, bà H1 khởi kiện yêu cầu ông P, bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ là 70.000.000đ. Bà H1 không yêu cầu tính lãi.

[5]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Ông Hồ Văn Hoài P cung cấp các tài liệu, chứng cứ: chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu (bản sao); 01 trích lục kết hôn (bản sao); 01 giấy khai sinh con (bản photo) kèm theo đơn khởi kiện; 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 284272; 01 quyết định về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (không có chữ ký quyết định); 01 bản sao bản đồ vị trí chuyển mục đích; 01 bộ vay vốn tại Ngân hàng của ông Hồ

Tuần k gồm 01 báo cáo đề xuất giải ngân; 01 bản theo dõi tiền vay và kỳ hạn trả nợ; 01 giấy ủy quyền; 01 bản sao sổ đỏ; 01 biên bản thỏa thuận cho vợ chồng con trai út là Hồ Văn Hoài P và vợ mượn 02 sổ đỏ; 16 trang giấy A in tin nhắn giữa bà H và ông P; 01 bản photo biên lai thuế số 0008783 ngày 24/4/2018; 01 bản sao hợp đồng cho vay số 356007 ngày 04/12/2018; 01 danh sách giao dịch phát sinh rút toán từ ngày 01/12/2019 đến ngày 24/6/2021; 01 chứng từ giao dịch tại Ngân hàng N2 và phát triển nông thôn chi nhánh T; 01 hồ sơ thiết xây dựng kỹ thuật xin phép xây dựng công trình tư nhân, chủ đầu tư Hồ Văn Hoài P kèm theo phần kết cấu thuyết minh về phần móng công trình, cột, dầm, sàn, cầu thang (bản photo); 01 biên lai thuế ký hiệu GB/2015 số 0008783 (bản photo); 01 chứng từ giao dịch tại A ngày 04/4/2018; 01 bảng kê tài khoản thấu chi qua ngân hàng gồm 6 trang giấy A4 (bản photo); 01 bảng kê chi tiết các khoản gốc, lãi thanh toán hàng tháng tính từ 06/4/2018 đến 11/02/2020 (bản photo).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H cung cấp các tài liệu, chứng cứ: 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đứng tên Nguyễn Thị Ngọc H (photo); 3 giấy khen; 02 sổ theo dõi sức khỏe; 04 sổ liên lạc; 01 phiếu đánh giá sức khỏe đối với trẻ 5 - 6 tuổi; 01 đơn xin xác nhận đang học trường T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của các đương sự; xác minh những vấn đề liên quan đến vụ án; thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và yêu cầu một số cơ quan cung cấp một số tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích của nguyên đơn và ý kiến tranh luận của nguyên đơn:

- Trong thời gian ly thân, mặc dù con chung do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng ông P thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc con. Điều này chứng tỏ ông P rất yêu thương và có trách nhiệm với con.

- Ông P làm nghề thầy giáo nên có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con được tốt về mọi mặt. Bà H làm công tác quản lý nên có nhiều thời gian phải đi công tác, không có thời gian chăm sóc con được tốt.

- Ông P có mức thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 15.000.000đ. Tại phiên tòa, ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con điều này chứng tỏ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của ông P rất tốt.

- Ông P hiện nay đang ở cùng cha và chị gái nên ông P có điều kiện để nuôi con.

- Trong thời gian ly thân, ông P không yêu cầu bà H phải hoàn trả số tiền thu nhập từ việc kinh doanh nhà trọ vì ông P muốn bà H có đủ thu nhập để nuôi con. Tuy nhiên, thời điểm này bà H chưa có trách nhiệm trả nợ cho ông P về số tài sản chung. Hiện nay, sau khi ly hôn bà H vừa kiếm tiền nuôi con vừa kiếm tiền trả nợ cho ông P sẽ rất khó khăn. Do đó, ông P mong muốn bà H suy nghĩ lại vấn đề nuôi con.

- Trong thời gian sống chung, bà H và ông P có một số nợ chung. Thế nhưng, sau khi ly thân một mình ông P đã thanh toán xong số tiền nợ. Điều này chứng tỏ ông P có thu nhập ổn định và có điều kiện chăm sóc con tốt hơn bà H.

- Mặc dù, vợ chồng quyết định ly hôn nhưng còn nghĩa vợ chồng. Bà H, ông P còn trẻ nên có khả năng sẽ tiếp tục kết hôn với người khác. Do cháu N là nữ nên nếu bà H kết hôn với người khác sẽ có sự lựa chọn. Một là đem con theo sống chung với người đàn ông khác hay là để con sống với bà ngoại. Điều này sẽ gây khó khăn cho bà H. Cho nên, ông P mong muốn được nuôi con để bà H được thoải mái khi kết hôn với người khác.

Trường hợp ông P có kết hôn với người khác thì người phụ nữ này phải về sống chung một nhà với ông P nên ông P sẽ có điều kiện chăm sóc con.

Bà H không có ý kiến tranh luận.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Văn Hoài P và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về tài sản chung: Bà H có nghĩa vụ trả lại tiền chênh lệch về tài sản cho ông P số tiền là 517.000.000đ.

- Về nợ chung: Bà H có nghĩa vụ trả lại cho bà Hồ Thị Thanh H1 số tiền: 35.000.000đ.

Về con chung: Tiếp tục giao 01 người con chung tên là Hồ Thị Ngọc N1, sinh năm 14/02/2017 cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên;

Ông P cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho bà H là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N1 thành niên; ông P được quyền thăm nom, chăm sóc không ai được phép ngăn cản.

Về án phí: Ông P, bà H phải chịu án phí ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn – Ông Hồ Văn Hoài P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung. Bà Hồ Thị Thanh H1 khởi kiện yêu cầu ông P, bà H phải trả lại số tiền nợ là 70.000.000đ. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng vay tài sản (nợ chung)*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Hồ Thị Thanh H1, nhưng tại phiên tòa bà H1 vắng mặt. Các đương sự và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1.

Xét thấy: Trong giai đoạn giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bà H1 đầy đủ. Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bà H1 và ông P, bà H đã thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Thanh H1 là phù hợp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Hồ Văn Hoài P:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ở Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T tại giấy chứng nhận kết hôn số 80/2016, ngày 06/6/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông P và bà H đã sống ly thân với nhau. Hiện nay, các bên không còn tình cảm nhau và không chấp nhận quay về chung sống lại. Trong giai đoạn giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông P và bà H đều thuận tình ly hôn. Cho nên, cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông P và bà H. Do đó, yêu cầu giải quyết ly hôn của ông P được chấp nhận. Cho nên, ông P được ly hôn với bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông P và bà H có một người con chung tên là Hồ Ngọc Kim N, sinh ngày 14/02/2017. Trong giai đoạn giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông P và bà H đều có nguyện vọng nuôi con chung Hồ Ngọc Kim N cho đến khi thành niên.

Nguyện vọng nuôi con của ông P và bà H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi Tòa án xem xét giao con cho người nào có trách nhiệm nuôi dưỡng thì phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con.

Xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Hồ Ngọc Kim N do bà H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, ông P thừa nhận: Trong thời gian qua, bà H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2023 thể hiện: Từ khi bà H và ông P không con chung sống với nhau thì bà H là người trực tiếp chăm sóc cháu N cho đến nay. Bà H chăm sóc cháu H tốt, phát triển, khỏe mạnh bình thường, vui vẻ. Ngoài ra, bà H cung cấp tại phiên tòa, một số giấy khen của cháu N trong thời gian học tại Trường mầm non L1 ở thị trấn L. Trong các tài liệu này thể hiện cháu N có chỉ số phát triển về thể chất và kết quả học tập tốt. Điều đó, chứng tỏ rằng trong thời gian qua, bà H đã chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H tốt về mọi mặt.

Tại phiên tòa, ông P cho rằng bà H có thu nhập thấp hơn ông P nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con phát triển tốt về mọi mặt. Ông P làm thầy giáo và có mức thu nhập không dưới 15.000.000đ nên có điều kiện chăm sóc, giáo dục con phát triển trong môi trường này sẽ tốt hơn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, ông P đồng ý giao cho bà H được quyền sở hữu 08 phòng trọ tại khu phố L, thị trấn L, huyện T. Tại giấy phép kinh doanh, bà H cung cấp có trong hồ sơ vụ án xác định bà H đang kinh doanh nhà trọ. Hiện nay, phòng trọ đang hoạt động ổn định. Bà H đang công tác làm việc tại Trường THPT T2. Như vậy, ngoài thu nhập từ làm việc tại Trường trung học phổ thông T2 thì bà H còn có thu nhập từ việc kinh doanh nhà trọ. Bà H đang có công việc ổn định và cũng làm việc trong môi trường giáo dục nên bà H có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N được phát triển tốt về mọi mặt.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn xét thấy: Hiện nay cháu N đang học lớp 1 tại Trường tiểu học T1, huyện T. Cháu N còn nhỏ và giới tính nữ nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu Hồ Ngọc Kim N được ổn định không ảnh hưởng đến tâm lý và điều kiện học tập của cháu N thì cần giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng. Cho nên, yêu cầu của ông P về việc được nuôi dưỡng con chung Hồ Ngọc Kim N không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: C tiếp tục giao cháu Hồ Ngọc Kim N, sinh ngày 14/02/2017 cho bà H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ/tháng. Ông P không chấp nhận mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà H. Ông P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu cấp dưỡng của bà H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, ông P xác định ngời mức thu nhập chính từ công việc dạy ở Trường Trung học phổ thông T2 thì ông P còn tham gia dạy thêm. Mức thu nhập

hàng tháng của ông P không dưới 15.000.000đ. Như vậy, với mức thu nhập này ông P có đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho bà H với số tiền 2.000.000đ/tháng. Yêu cầu của bà H phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay tại địa phương. Do đó, cần buộc ông P phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho bà H là 2.000.000đ/tháng theo yêu cầu của bà H là phù hợp.

[4]. *Về tài sản chung*: Trong giai đoạn giải quyết vụ án, trước khi Tòa án tiến hành hòa giải ông P và bà H đề nghị Tòa án xem xét ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung trong quyết định, bản án của Tòa án khi xem xét giải quyết ly hôn giữa ông P và bà H.

Ông P và bà H tự thỏa thuận: Giao cho bà H được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà 3A có 08 phòng trọ trên diện tích 5mx18m. Do diện tích đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông P và bà H tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Các bên không có tranh chấp gì liên quan đến tài sản này. Cho nên ông P xin rút yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung đối với: Căn nhà 3A có 08 phòng trọ trên diện tích đất chiều ngang 5m chiều dài 27,5m. Việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và không trái với pháp luật. Cho nên, cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung khi ly hôn đối với tài sản là căn nhà trọ 3A trên diện tích chiều ngang 5m; chiều dài 27,5m.

Ông P và bà H đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung trong bản án như sau: Bà H đồng ý giao cho ông P số tiền chênh lệch về tài sản là 517.000.000đ (năm trăm mười bảy triệu đồng).

Xét thấy: Việc thỏa thuận phân chia tài sản chung khi ly hôn giữa ông P và bà H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Cho nên cần ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung khi ly hôn của ông P, bà H trước khi Tòa án tiến hành hòa giải trong bản án này là phù hợp.

[5] *Về yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Hồ Thị Thanh H1 (tranh chấp nợ chung)*: Bà Hồ Thị Thanh H1 khởi kiện yêu cầu ông P, bà H phải trả lại số tiền còn nợ là 70.000.000đ. Trong giai đoạn giải quyết, ông P và bà H đều thống nhất trả cho bà H1 số tiền 70.000.000đ. Mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà H1 số tiền 35.000.000đ (thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 18/8/2023). Tại phiên tòa, ông P và bà H vẫn giữ nguyên sự thỏa thuận vào ngày 18/8/2023; không ai có thay đổi gì liên quan đến tranh chấp số tiền nợ mà bà Hồ Thị Thanh H1 khởi kiện. Cho nên, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà H1 và ông P, bà H là phù hợp với quy định tại Điều 246 BLTTDS.

[6]. *Về án phí*:

[6.1] *Án phí ly hôn*: Tại phiên tòa, ông P đồng ý nộp toàn bộ án phí ly hôn hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật là phù hợp với điểm a khoản 6 Điều Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[6.2] *Án phí về cấp dưỡng nuôi con:* Do yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con được chấp nhận. Cho nên ông P phải nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[6.3] *Án phí liên quan đến tài sản chung:* Do ông P, bà H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án trước khi Tòa án tiến hành hòa giải. Cho nên, ông P và bà H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với việc chia tài sản chung là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do đó, cần hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí liên quan đến yêu cầu phân chia tài sản chung cho ông P.

[6.4] *Án phí về nợ chung:* Ông P, bà H và bà H1 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải các vấn đề liên qua đến nợ chung khi Tòa án tiến hành hòa giải vào ngày 18/8/2023, trước khi mở phiên tòa. Cho nên, ông P, bà H phải chịu 50% mức án phí đối với số tiền mỗi người có trách nhiệm thanh toán tiền nợ cho bà H1 là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Hồ Thị Thanh H1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 146, 147; Điều 246; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điều 463, 466, khoản 1 Điều 469; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 7 Điều 26; Điểm a, c, d khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Hồ Văn Hoài P và bà Nguyễn Thị Ngọc H về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung và tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tranh chấp về nợ chung) như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Hồ Văn Hoài P và bà Nguyễn Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

2. *Về tài sản chung:* Ghi nhận yêu cầu của ông P và bà H về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn trong bản án trước khi Tòa án tiến hành hòa giải. Nội dung thỏa thuận như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền chênh lệch về tài sản cho ông Hồ Văn Hoài P là 517.000.000đ (Năm trăm mười bảy triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung khi ly hôn đối với: Lô đất thổ cư có diện tích 5m x 27,5m tại khu phố L, thị trấn L L và 01 dãy nhà trọ gồm 08 phòng ngủ được xây dựng trên đất.

3. *Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tranh chấp về nợ chung):*

Ông P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh H1 số tiền nợ là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Bà H có trách nhiệm hòa trả cho bà Hồ Thị Thanh H1 số tiền nợ là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. *Về con chung:*

Tiếp tục giao 01 người con chung tên là Hồ Ngọc Kim N, sinh ngày 14/02/2017 cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Ông Hồ Văn Hoài P phải cấp dưỡng tiền hàng tháng nuôi con là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N thành niên.

Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc con; không ai được quyền ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

5. *Về án phí:*

Án phí ly hôn: Ông Hồ Văn Hoài P phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Ông Hồ Văn Hoài P phải nộp 300.000đ án phí liên quan đến cấp dưỡng nuôi con.

Án phí về tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tranh chấp nợ chung):

Ông P, bà H mỗi người phải nộp số tiền 875.000đ.

Sau khi khấu trừ đi tổng số tiền án phí ông P có trách nhiệm phải nộp là 1.325.000đ thì hoàn trả lại cho ông P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.975.000đ theo các biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027282, 0027283, ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Ông P đã nộp đủ các khoản án về ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tranh chấp về nợ chung).

Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị Thanh H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ theo biên lai thu tiền số 003387, ngày 20/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND TT Lạc Tánh;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến